

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Kế hoạch hành động của ngành Xây dựng triển khai  
Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030  
vì sự phát triển bền vững**

**BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG**

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,

**QUYẾT ĐỊNH:**

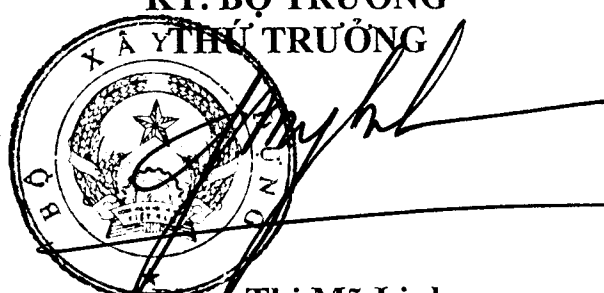
**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động của ngành Xây dựng triển khai Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính, thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Xây dựng; Sở Xây dựng các tỉnh/ Sở Xây dựng các thành phố trực thuộc Trung ương, Sở Quy hoạch Kiến trúc Hà Nội, Sở Quy hoạch Kiến trúc thành phố Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*Đ*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Bộ Xây dựng (để b/c);
- Bộ Kế hoạch và đầu tư;
- Lưu VT, KHTC.

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**XÂY DỰNG**  
  
Phan Thị Mỹ Linh

*Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2018*

**KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG CỦA NGÀNH XÂY DỰNG**  
**TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG QUỐC GIA THỰC HIỆN**  
**CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ 2030 VÌ SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1659/QĐ-BXD ngày 28 / 12 /2018*  
*của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mục tiêu chung:**

Phát triển ngành Xây dựng theo hướng bền vững, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của cả nước đi đôi với bảo vệ môi trường sinh thái, áp dụng công nghệ, sử dụng tiết kiệm tài nguyên khoáng sản và năng lượng, sử dụng vật liệu xây dựng thân thiện với môi trường... Bảo đảm mọi người dân được tiếp cận và thụ hưởng bình đẳng các dịch vụ hạ tầng kỹ thuật đô thị (cấp nước, thoát nước, công viên cây xanh, không gian công cộng, xử lý nước thải, thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt), dịch vụ nhà ở...

**2. Các mục tiêu cụ thể:**

*2.1. Đảm bảo tiếp cận đầy đủ và công bằng với nước sinh hoạt an toàn, trong khả năng chi trả cho tất cả mọi người (mục tiêu 6.1.a):* Đến năm 2020, tỷ lệ dân cư được cung cấp nước sạch, hợp vệ sinh đạt 90% - 95%; điều kiện cung cấp nước sạch được cải thiện, từng bước bảo đảm cấp nước an toàn; nâng cao nhận thức cộng đồng và sử dụng nước tiết kiệm;

- Đến năm 2030, tỷ lệ dân cư được cung cấp nước sạch, hợp vệ sinh đạt 95% - 100%; điều kiện cung cấp nước sạch bảo đảm an ninh, an toàn.

*2.2. Đảm bảo tiếp cận các công trình và điều kiện vệ sinh phù hợp cho tất cả mọi người (mục tiêu 6.2):*

- Đến năm 2020 tỷ lệ hệ thống cấp nước khu vực đô thị được lập và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn đạt 45%; đến năm 2025 đạt 75%; đến năm 2030 đạt 95%;

- Đến năm 2020 tỷ lệ hệ thống cấp nước khu vực nông thôn được lập và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn đạt 35%; đến năm 2025 đạt 50%; đến năm 2030 đạt 75%.

- Đến năm 2030, đảm bảo tiếp cận công bằng các công trình và điều kiện vệ sinh phù hợp cho tất cả mọi người, đặc biệt chú ý đến nhu cầu của phụ nữ, trẻ

em gái, người khuyết tật và đối tượng dễ bị tổn thương; chấm dứt tình trạng vệ sinh ngoài trời; 100% số hộ gia đình có nhà tiêu hợp vệ sinh.

*2.3. Cải thiện chất lượng nước, 100% nước thải nguy hại được xử lý; giảm tỷ lệ nước thải đô thị chưa qua xử lý; tăng cường tái sử dụng nước an toàn (Mục tiêu 6.3a):*

- Đến năm 2020 tỷ lệ nước thải đô thị được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đạt 15-20%; tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch dưới 18% đối với đô thị loại IV trở lên, dưới 25% đối với các đô thị loại V;

- Đến năm 2030 tỷ lệ nước thải đô thị được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đạt 50% đối với đô thị loại II trở lên và 20% đối với đô thị loại V trở lên; 100% nước thải nguy hại được xử lý; tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch dưới 15% đối với các đô thị.

*2.4. Đảm bảo tất cả mọi người dân được tiếp cận với những dịch vụ cơ bản và dịch vụ nhà ở phù hợp, an toàn, trong khả năng chi trả; xóa bỏ các nhà ở đơn sơ, xây mới, nâng cấp, cải tạo các khu nhà ở không đảm bảo chất lượng (mục tiêu 11.1):*

- Đến năm 2020 hoàn thành việc kiểm tra, rà soát, đánh giá an toàn chịu lực và triển khai các giải pháp cải tạo nhà ở và công trình công cộng cũ, nguy hiểm tại đô thị; từ năm 2018 đến năm 2025 phấn đấu hoàn thành khoảng 8,5 triệu m<sup>2</sup> nhà ở xã hội tại khu vực đô thị.

- Đến năm 2030 cơ bản xóa nhà ở thiếu kiên cố, đơn sơ tại khu vực đô thị (tỷ lệ dưới 0,5%); cơ bản không còn hộ gia đình sống trong các khu nhà ở không đảm bảo chất lượng và thiếu điều kiện sinh hoạt cơ bản (tỷ lệ dưới 3%).

*2.5. Tăng cường năng lực lập quy hoạch và phát triển đô thị bao trùm và bền vững, có sự tham gia của cộng đồng; phát triển mạnh vật liệu xây dựng xanh, thân thiện với môi trường (Mục tiêu 11.3):*

- Đến năm 2020, hoàn thành việc rà soát các quy hoạch xây dựng, đảm bảo sự phù hợp, thống nhất với hệ thống quy hoạch quốc gia, các ngành, lĩnh vực theo quy định pháp luật.

- Bổ sung hoàn thiện các quy định pháp luật về lấy ý kiến cộng đồng trong quá trình lập quy hoạch xây dựng, dự án phát triển đô thị, công tác quản lý phát triển đô thị.

- Nghiên cứu hoàn thiện quy trình tham gia của cộng đồng vào các đồ án quy hoạch đô thị, các dự án phát triển đô thị. Đến năm 2020 hoàn thành khung pháp lý về sự tham gia của cộng đồng vào các đồ án Quy hoạch đô thị, các dự án phát triển đô thị. Từ năm 2025 công bố hàng năm tỷ lệ phần trăm các đô thị có sự tham gia trực tiếp của người dân vào lập quy hoạch và quản lý phát triển đô thị.- Đến năm 2020 hoàn thành quy hoạch vùng tỉnh, quy hoạch chung các đô thị; cơ bản hoàn thành quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, quy chế quản lý

quy hoạch, kiến trúc đô thị đối với những khu vực cần phải có quy hoạch, quy chế để quản lý trật tự xây dựng, phát triển đô thị.

- Đến năm 2020, sản lượng các loại vật liệu xây dựng chủ yếu đạt khoảng: 105 triệu tấn xi măng, 770 triệu m<sup>2</sup> vật liệu ốp lát, 21 triệu sản phẩm sứ xây dựng, 417 triệu m<sup>2</sup> kính xây dựng, 30 tỷ viên vật liệu xây quy tiêu chuẩn (trong đó vật liệu xây không nung chiếm khoảng 40%); giá trị gia tăng bình quân lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng khoảng 10%/năm; cơ bản xóa bỏ lò gạch thủ công, lò vôi thủ công; xử lý và sử dụng tro, xỉ, thạch cao FGD, thạch cao PG làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng và sử dụng trong các công trình xây dựng đạt khoảng 52% tổng lượng tích lũy (khoảng 75 triệu tấn, bao gồm 56 triệu tấn tro, xỉ nhiệt điện; 2,5 triệu tấn thạch cao FGD; 16,5 triệu tấn thạch cao PG)..

*2.6. Giảm tác động có hại của môi trường tới con người tại các đô thị, tăng cường quản lý chất lượng chất thải đô thị (Mục tiêu 11.6):*

*2.7. Đến năm 2030, đảm bảo tiếp cận phổ cập với không gian công cộng xanh, an toàn và thân thiện cho toàn dân (Mục tiêu 11.7):*

- Từ năm 2019 thu thập và công bố 5 năm/1 lần dữ liệu về số lượng không gian công cộng của các đô thị.

- Đến năm 2030, các đô thị đảm bảo xây dựng đủ diện tích không gian cây xanh sử dụng công cộng theo quy chuẩn quy hoạch xây dựng với đầy đủ tiện ích đáp ứng yêu cầu phục vụ mọi tầng lớp, mọi đối tượng trong xã hội.

*2.8. Đến năm 2030 hoàn thành việc lồng ghép mục tiêu tăng trưởng xanh, ứng phó biến đổi khí hậu trong quy định pháp luật về quy hoạch xây dựng tích cực hướng tới sự bao trùm, hiệu quả nguồn lực, giảm nhẹ và thích ứng với biến đổi khí hậu (mục tiêu 11.9); tăng cường khả năng chống chịu và thích nghi với rủi ro liên quan tới biến đổi khí hậu, ứng phó với thiên nhiên và các thảm họa tự nhiên khác (mục tiêu 13.1.b):*

- Hoàn thành việc lồng ghép các mục tiêu tăng trưởng xanh và thích ứng với biến đổi khí hậu vào các quy hoạch chung đô thị trước năm 2020 đối với các đô thị loại IV, V; trước năm 2025 đối với các đô thị loại II, III; trước năm 2030 đối với các đô thị loại I;

- Đến năm 2030 tăng đáng kể các đô thị áp dụng các chiến lược giảm thiểu rủi ro thiên tai phù hợp với khung quốc tế, bao gồm cả các nhóm dễ tổn thương được quan tâm trong quá trình lập, thực hiện và kiểm tra.

*2.9. Đến năm 2030, giảm đáng kể lượng chất thải phát sinh, tăng cường giá trị kinh tế của nguồn tài nguyên chất thải thông qua việc phòng ngừa, giảm thiểu, tái chế và tái sử dụng, thu hồi năng lượng từ xử lý chất thải (Mục tiêu 12.5.b):*

- Đến năm 2020, tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý đạt 87,5%; năm 2025 đạt 90%; năm 2030 đạt 95%. Phân đầu đến năm 2025 tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp đạt tỷ lệ dưới 30% so với lượng chất thải rắn sinh hoạt được thu gom.

2.10. Lồng ghép các yếu tố biến đổi khí hậu vào các tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật ngành Xây dựng (mục tiêu 13.2.c):

- Ban hành các quy chuẩn xây dựng, định mức kinh tế kỹ thuật trong vùng thường xuyên bị thiên tai, phù hợp với điều kiện gia tăng thiên tai do biến đổi khí hậu.

- Hoàn thành lồng ghép vào Quy chuẩn quy hoạch xây dựng vào cuối năm; Quy chuẩn xây dựng trong vùng thường xuyên bị thiên tai và Quy chuẩn về công trình hạ tầng kỹ thuật, số liệu điều kiện tự nhiên vào cuối năm 2020;

- Lồng ghép các yếu tố liên quan đến biến đổi khí hậu vào Hệ thống các Quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật có liên quan.

## **II. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU VÀ PHÂN KỲ THỰC HIỆN**

### **1. Nhiệm vụ chủ yếu thực hiện giai đoạn 2018-2021:**

a) Hoàn thiện hệ thống thể chế ngành Xây dựng liên quan đến phát triển bền vững; điều chỉnh, sửa đổi bổ sung, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật nhằm đảm bảo khung pháp lý cho việc thực hiện Kế hoạch hành động thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của ngành Xây dựng:

- Trình Quốc hội ban hành Luật Quản lý phát triển đô thị; Luật Kiến trúc; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị năm 2009, Luật Xây dựng năm 2014, Luật Nhà ở năm 2014 và Luật kinh doanh bất động sản năm 2014; Luật Cấp nước.

- Tập trung rà soát, điều chỉnh hoặc kiến nghị điều chỉnh, cập nhật bổ sung và tổ chức triển khai có hiệu quả các chiến lược, định hướng, chương trình, kế hoạch hành động của ngành Xây dựng liên quan đến mục tiêu phát triển bền vững ngành.

- Đề xuất, xây dựng và thực hiện các chương trình, đề án, nhiệm vụ cụ thể để thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của ngành Xây dựng trong các chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, chương trình hành động thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và các kế hoạch khác.

b) Tăng cường các hoạt động truyền thông, giáo dục về các mục tiêu phát triển bền vững ngành Xây dựng:

- Triển khai các hoạt động truyền thông nâng cao hiểu biết về các mục tiêu phát triển bền vững và Kế hoạch hành động của ngành Xây dựng;

- Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, giáo dục, phổ biến Kế hoạch hành động của ngành Xây dựng thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững thông qua trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng, các cơ quan truyền thông ngành Xây dựng và các phương tiện truyền thông khác;

- Lồng ghép nội dung giáo dục phát triển bền vững, các mục tiêu phát triển bền vững vào giảng dạy trong hệ thống giáo dục ngành Xây dựng.

c) Xây dựng và ban hành chỉ tiêu, lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững ngành Xây dựng trong năm 2018. Bổ sung các chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững trong hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Xây dựng..

Tăng cường năng lực cán bộ làm công tác thống kê để đảm bảo việc giám sát, đánh giá, báo cáo các mục tiêu phát triển bền vững.

d) Lồng ghép các mục tiêu phát triển bền vững trong quá trình xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, các chiến lược, chính sách quy hoạch phát triển của ngành Xây dựng. Đến năm 2020 lồng ghép đầy đủ các mục tiêu phát triển bền vững của ngành vào nội dung Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội giai đoạn 2021-2025, các quy hoạch phát triển của ngành Xây dựng.

- Đến năm 2020 đánh giá kết quả thực hiện giai đoạn 2017-2020 Kế hoạch hành động quốc gia và Kế hoạch hành động của ngành Xây dựng thực hiện Chương trình Nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững.

## **2. Nhiệm vụ chủ yếu thực hiện trong giai đoạn 2021-2030:**

a) Triển khai toàn diện các nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch hành động để thực hiện thành công các mục tiêu phát triển bền vững ngành Xây dựng đến năm 2030.

b) Tăng cường huy động, sử dụng mọi nguồn lực trong và ngoài nước để thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của Ngành, tập trung nguồn lực nhằm giải quyết những vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện Kế hoạch hành động này.

c) Hoàn thiện xây dựng cơ sở dữ liệu các mục tiêu phát triển bền vững, cơ chế thu thập thông tin dữ liệu phục vụ giám sát, đánh giá các mục tiêu phát triển bền vững của Ngành; vận hành hiệu quả hệ thống cơ sở dữ liệu về các mục tiêu phát triển bền vững; công khai thông tin về kết quả thực hiện để chia sẻ với các bên liên quan nhằm khai thác có hiệu quả cơ sở dữ liệu này và để phục vụ công tác hoạch định chính sách của ngành Xây dựng.

d) Tiếp tục phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm phục vụ sự nghiệp phát triển ngành Xây dựng theo các mục tiêu phát triển bền vững, chú trọng đến đội ngũ cán bộ lãnh đạo, hoạch định chính sách.

đ) Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển giao công nghệ. Chú trọng phát triển các công nghệ xây dựng, vật liệu xây dựng, cơ khí xây dựng mới theo hướng thân thiện môi trường, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính.

e) Tiếp tục triển khai hiệu quả công tác giám sát, đánh giá, báo cáo tiến độ thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững:

- Đến năm 2020 thực hiện đánh giá giữa kỳ giai đoạn 2021-2030 kết quả thực hiện Kế hoạch quốc gia và Kế hoạch hành động của ngành Xây dựng thực hiện Chương trình Nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững.

- Đến năm 2030 tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch quốc gia và Kế hoạch hành động của ngành Xây dựng thực hiện Chương trình Nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững và chuẩn bị xây dựng các mục tiêu phát triển bền vững của ngành Xây dựng cho các thời kỳ tiếp theo.

3. Việc phân công các nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị chủ trì và phối hợp thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững do Bộ Xây dựng chủ trì theo Phụ lục kèm theo Quyết định này.

### **III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

a) Nghiên cứu, xây dựng và triển khai các giải pháp phát triển đô thị theo hướng đồng bộ, hiện đại, bền vững, thân thiện với môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. Kiểm soát quá trình phát triển đô thị theo quy hoạch và kế hoạch; từng bước nâng cao chất lượng và hiện đại hóa hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị, thúc đẩy tăng trưởng tại các khu vực, địa bàn còn khó khăn như vùng núi, ven biển và hải đảo; nghiên cứu, thực hiện thí điểm phát triển đô thị xanh, sinh thái, kiến trúc xanh, mô hình kiến trúc, nhà ở thích ứng biến đổi khí hậu.

b) Tăng cường quản lý, kiểm soát chất lượng công trình, an toàn xây dựng; tổ chức kiểm tra, rà soát, đánh giá an toàn chịu lực và đề xuất các giải pháp cải tạo nhà ở và công trình công cộng cũ, nguy hiểm tại đô thị; nâng cao hiệu quả công tác thẩm định dự án, thẩm định thiết kế và dự toán, kiểm tra nghiệm thu trước khi đưa công trình vào khai thác; Tập trung công tác rà soát, đánh giá, dự báo, đề xuất và tổ chức thực hiện các giải pháp nhằm củng cố, xây dựng các công trình phòng chống thiên tai trọng điểm, cấp bách.

c) Tập trung triển khai có hiệu quả các chương trình hỗ trợ phát triển nhà ở xã hội trọng điểm. Xây dựng cơ chế, chính sách, mô hình hợp lý để huy động các nguồn lực, đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội khu vực đô thị, khu công nghiệp; Quy hoạch và khai thác, sử dụng hiệu quả quỹ đất đô thị dành cho phát triển nhà ở xã hội.

d) Nghiên cứu, xây dựng các cơ chế, chính sách phát triển công nghiệp vật liệu xây dựng, trong đó tập trung phát triển mạnh vật liệu xây không nung, vật liệu xây dựng tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường, vật liệu cho biển đảo.

- Tập trung nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiên tiến nhằm bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trong các lĩnh vực xây dựng, vật liệu xây dựng, cơ khí xây dựng, quy hoạch xây dựng, phát triển đô thị và hạ tầng kỹ thuật.

đ) Tiếp tục tổ chức thực hiện Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực ngành Xây dựng đến năm 2020, tầm nhìn 2030.

e) Tăng cường hợp tác quốc tế, tích cực vận động tài trợ, huy động nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi cho các dự án, chương trình thuộc các lĩnh vực ưu tiên của Bộ và của nhà tài trợ phục vụ cho các mục tiêu phát triển bền vững.

## IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Phân công trách nhiệm chủ trì, phối hợp thực hiện:

- Trên cơ sở nội dung chủ yếu và các nhiệm vụ cụ thể được phân công tại Phụ lục 1, 2 trong Kế hoạch hành động của ngành Xây dựng, các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp trong ngành Xây dựng:

+ Chủ động xây dựng Kế hoạch hành động cụ thể của đơn vị để triển khai thực hiện, thời hạn hoàn thành **trong Quý I/2019**, gửi Vụ Kế hoạch - Tài chính để tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng.

+ Tập trung chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các mục tiêu phát triển bền vững thuộc lĩnh vực được giao đã nêu trong Kế hoạch hành động, bảo đảm tiến độ và chất lượng. Đánh giá, báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch hành động gửi Vụ Kế hoạch - Tài chính để tổng hợp, báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

+ Thường xuyên kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện Kế hoạch hành động của đơn vị mình; chủ động xử lý theo thẩm quyền hoặc đề xuất Lãnh đạo Bộ giải pháp nhằm xử lý kịp thời đối với những vấn đề phát sinh.

- Trung tâm Thông tin, Báo Xây dựng, Tạp chí Xây dựng tổ chức phổ biến, tuyên truyền rộng rãi Kế hoạch hành động này đến các đơn vị thực hiện chức năng quản lý nhà nước ngành Xây dựng, các hội, hiệp hội, các tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực của ngành Xây dựng và tập thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong toàn Ngành.

- Các doanh nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và các tổ chức khác của ngành Xây dựng chủ động tham gia đóng góp ý kiến và tham vấn đề xây dựng các báo cáo thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của Ngành.

### 2. Giám sát, báo cáo, đánh giá:

- Vụ Kế hoạch - Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững và hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ giám sát, đánh giá thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của ngành Xây dựng, trình lãnh đạo Bộ phê duyệt **trước ngày .../.../2018**. Theo dõi, giám sát, đánh giá, tổng hợp kết quả thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững tại Kế hoạch hành động này; xây dựng báo cáo gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư **trước ngày 15 tháng 12 hàng năm**.

- Các cơ quan, đơn vị xây dựng, đề xuất các chỉ tiêu thống kê và hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ giám sát, đánh giá thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững theo lĩnh vực được phân công; Xây dựng cơ sở dữ liệu về các mục tiêu phát triển bền vững ngành Xây dựng.

- **Chậm nhất ngày 25 tháng 11 hàng năm**, các Cục, Vụ, Thanh tra, Văn phòng Bộ, các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp trực thuộc Bộ, các Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch kiến trúc báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch hành động này gửi về Bộ Xây dựng (Vụ Kế hoạch - Tài chính) để tổng hợp gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.



Trong quá trình thực hiện Kế hoạch hành động này, nếu thấy cần thiết phải điều chỉnh, bổ sung, các đơn vị chủ động đề xuất, gửi Vụ Kế hoạch - Tài chính tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng quyết định.

### **3. Kinh phí thực hiện:**

a) Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch hành động này bao gồm: nguồn ngân sách nhà nước, nguồn đầu tư của doanh nghiệp, khu vực tư nhân, cộng đồng và nguồn vốn nước ngoài, bao gồm nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), nguồn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và các nguồn khác.

b) Kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện Kế hoạch hành động được bố trí trong dự toán chi ngân sách hàng năm của Bộ Xây dựng, các Sở Xây dựng và Sở Quy hoạch kiến trúc địa phương theo quy định của ngân sách nhà nước hiện hành và được lồng ghép trong Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm, lồng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án khác có liên quan.

Vụ Kế hoạch - Tài chính cân đối, bố trí kinh phí hàng năm cho các đơn vị thuộc Bộ Xây dựng theo quy định của Luật ngân sách nhà nước; các đơn vị được giao chủ trì chủ động phối hợp huy động các nguồn vốn hợp pháp khác từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật để thực hiện Kế hoạch hành động.

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**XÂY DỰNG**  
**TRƯỞNG**



Phan Thị Mỹ Linh

**PHỤ LỤC**  
**CHI TIẾT NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI QUYẾT ĐỊNH 622/QĐ-TTg CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**  
*(Kèm theo Quyết định số 1659/QĐ - BXD ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

| Nhiệm vụ theo Quyết định số 622/QĐ-TTg của TTCP   | Chi tiết nội dung công việc  | Lộ trình thực hiện | Đơn vị chủ trì/phối hợp  |
|---|--|--------------------|--|
| <b>Mục tiêu 6.1.a: Đến năm 2030, đảm bảo khả năng tiếp cận đầy đủ và công bằng với nước uống và sinh hoạt an toàn, trong khả năng chi trả cho tất cả mọi người (Mục tiêu 6.1.a toàn cầu)</b>  |  |                    |  |
| 1. Xây dựng Luật Cấp nước và các văn bản quy phạm pháp luật dưới Luật.  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lập Đề án hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Cấp nước và trình Chính phủ và Quốc hội thông qua Luật Cấp nước;</li> <li>- Triển khai thực hiện Chương trình quốc gia bảo đảm cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch giai đoạn 2018 - 2025.</li> <li>- Xây dựng Đề án thống nhất quản lý phát triển cấp nước đô thị và nông thôn.</li> </ul> | 2018-2030          | <p><b>Chủ trì:</b> Cục Hạ tầng kỹ thuật</p> <p><b>Phối hợp:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các Cục: PTĐT, KTXD, HĐXD; Các Vụ: PC, QH-KT, KHTC, KHCN&amp;MT; Viện QHĐTQG;</li> <li>- Các Sở Xây dựng địa phương; Các doanh nghiệp, hội, hiệp hội ngành Xây dựng</li> </ul>  |
| 2. Ban hành các quy định về đơn giá, định mức kinh tế - kỹ thuật trong quá trình sản xuất và cung cấp nước sạch đô thị và khu công nghiệp; các quy định về các định mức kinh tế - kỹ thuật để xây dựng định mức chi phí quản lý, vận hành các công trình cấp nước đô thị và khu công nghiệp | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lập Đề án xây dựng định mức công tác sản xuất truyền dẫn và đầu nối nước sạch.</li> <li>- Lập Đề án xây dựng quy chuẩn và tiêu chuẩn kỹ thuật thiết kế xây dựng công trình cấp nước.</li> </ul>   | 2019-2020          | <p><b>Chủ trì:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cục KTXD chủ trì xây dựng đề án định mức;</li> <li>- Cục Hạ tầng kỹ thuật xây dựng đề án QC, TC</li> </ul> <p><b>Phối hợp:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vụ KHCN&amp;MT, Viện KTXD, Viện KHCNXD;</li> <li>- Các Sở Xây dựng địa phương; các doanh nghiệp, hội, hiệp hội ngành XD</li> </ul> |
| 2. Nghiên cứu, chuyển giao công nghệ xử lý nước sạch, nước mặn.   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học, đặt hàng, chuyển giao công nghệ xử lý nước sạch, nước mặn, trong đó ưu tiên nghiên cứu các công nghệ xử lý nước mặn tại các vùng hải đảo, ven biển, xâm nhập mặn.</li> </ul>   | 2018-2030          | <p><b>Chủ trì:</b> Cục Hạ tầng kỹ thuật</p> <p><b>Phối hợp:</b> Vụ KHCN&amp;MT, Viện KHCNXD, các doanh nghiệp</p>  |
| 3. Khảo sát, rà soát, lập danh mục các nguồn cung cấp nước quan trọng để có kế hoạch bảo vệ, khai thác và sử dụng có hiệu quả.  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình quốc gia bảo đảm cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch giai đoạn 2018 - 2025:</li> </ul>  | 2018-2020          | <p><b>Chủ trì:</b> Cục Hạ tầng kỹ thuật</p> <p><b>Phối hợp:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vụ KHCN&amp;MT; Viện QHĐTQG;</li> </ul>   |

| Nhiệm vụ theo Quyết định số 622/QĐ-TTg của TTCP  | Chi tiết nội dung công việc   | Lộ trình thực hiện                          | Đơn vị chủ trì/phối hợp  |
|--|---|---|--|
|  | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hoàn thành việc khảo sát, rà soát, lập danh mục các nguồn nước quan trọng</li> <li>+ Đề xuất và triển khai các giải pháp bảo vệ, khai thác, sử dụng có hiệu quả</li> </ul>   | 2018-2030                                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các Sở Xây dựng địa phương;</li> <li>Các doanh nghiệp, hội, hiệp hội ngành Xây dựng</li> </ul>  |
| 4. Tăng cường truyền thông nâng cao nhận thức bảo vệ và sử dụng hợp lý nước sạch.  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức các hội thảo, hội nghị chuyên đề về bảo vệ và sử dụng hợp lý nước sạch</li> <li>- Tăng cường tuyên truyền qua trang điện tử của Bộ Xây dựng, các phương tiện thông tin đại chúng khác</li> </ul>   | 2018-2030                                   | <p><b>Chủ trì:</b> Cục Hạ tầng kỹ thuật</p> <p><b>Phối hợp:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- TTTT, Báo Xây dựng, Tạp chí xây dựng;</li> <li>- Các Sở Xây dựng địa phương;</li> <li>Doanh nghiệp, hội, hiệp hội ngành XD</li> </ul>                                     |
| 5. Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động bảo vệ, quản lý, phát triển nguồn cấp nước và cung ứng dịch vụ nước sạch đô thị và khu công nghiệp. Cải thiện chính sách và môi trường thuận lợi cho tư nhân đầu tư vào sản xuất và cung cấp nước sạch đô thị và khu công nghiệp.   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu, đề xuất, quy định về điều kiện năng lực trong đầu tư và quản lý vận hành công trình cấp nước đô thị và khu công nghiệp.</li> <li>- Tiếp tục nghiên cứu cơ chế, chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế ngoài nhà nước tham gia đầu tư phát triển nguồn cấp nước và cung ứng dịch vụ nước sạch đô thị và khu công nghiệp.</li> <li>- Đẩy mạnh cổ phần hóa các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cấp nước và cung ứng dịch vụ nước sạch đô thị</li> </ul> | 2018-2020<br><br>2018-2030<br><br>2018-2025 | <p><b>Chủ trì:</b> Cục Hạ tầng kỹ thuật</p> <p><b>Phối hợp:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các Vụ: PC, KHTC, KHCN&amp;MT; các Cục: HĐXD, KTXD; Viện KTXD</li> <li>- Các Sở Xây dựng địa phương;</li> <li>- Các doanh nghiệp, hội, hiệp hội ngành Xây dựng</li> </ul> |
| <b>Mục tiêu 6.2: Đến năm 2030, đảm bảo tiếp cận công bằng các công trình và điều kiện vệ sinh phù hợp cho tất cả mọi người (Mục tiêu 6.2 toàn cầu)</b>   |   |   |  |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn và đầu tư xây dựng, cải tạo hệ thống cấp nước.</li> <li>- Thực hiện xã hội hóa đầu tư vào dịch vụ vệ sinh công cộng. Có cơ chế ưu đãi cho doanh nghiệp đầu tư cho các công trình nước sạch và vệ sinh và vệ sinh công cộng.</li> <li>- Thúc đẩy cải thiện các điều kiện vệ sinh công cộng hỗ trợ người khuyết tật, phụ nữ và trẻ em gái.</li> <li>- Hỗ trợ và tăng cường sự tham gia của các</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình quốc gia bảo đảm cấp nước an toàn giai đoạn 2018 – 2025.</li> <li>- Triển khai thực hiện Điều chỉnh Định hướng phát triển thoát nước và xử lý nước thải đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050.</li> <li>- Xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình quốc gia về đầu tư xử lý nước thải trước mắt tập trung cho các đô thị lớn, các lưu vực sông theo lộ trình hợp lý.</li> </ul>   | 2018-2030<br><br>2018-2030                  | <p><b>Chủ trì:</b> Cục Hạ tầng kỹ thuật</p> <p><b>Phối hợp:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các Vụ: PC, KHTC, KHCN&amp;MT; Cục KTXD; Viện KTXD.</li> <li>- Các Sở Xây dựng địa phương;</li> <li>- Các doanh nghiệp, hội, hiệp hội ngành Xây dựng</li> </ul>           |

| Nhiệm vụ theo Quyết định số 622/QĐ-TTg của TTCP   | Chi tiết nội dung công việc   | Lộ trình thực hiện                                 | Đơn vị chủ trì/phối hợp  |
|---|---|--|--|
| tổ chức xã hội, cộng đồng địa phương nhằm cải thiện quản lý vệ sinh   |   |  |  |
| <b>Mục tiêu 6.3.a: Đến năm 2030, cải thiện chất lượng nước, kiểm soát được các nguồn gây ô nhiễm; chấm dứt việc sử dụng các loại hóa chất độc hại trong sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản gây ô nhiễm nguồn nước và làm giảm đa dạng sinh hoạt; 100% nước thải nguy hại được xử lý; giảm một nửa tỷ lệ nước thải đô thị chưa qua xử lý; tăng cường tái sử dụng nước an toàn (Mục tiêu 6.3.a toàn cầu)</b>  |   |  |  |
| <p>1. Thực hiện hiệu quả Điều chỉnh Định hướng phát triển thoát nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050</p> <p>2. Xây dựng và ban hành các quy định, hướng dẫn kỹ thuật và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với lĩnh vực thoát nước và xử lý nước thải.</p> <p>3. Đưa chỉ tiêu diện tích đất xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung vào các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp, quy hoạch chính trang, phát triển đô thị, khu dân cư tập trung, khu, cụm công nghiệp, khu chế xuất.</p> <p>4. Lập quy hoạch, từng bước xây dựng, vận hành hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung tại các đô thị loại IV trở lên, Gắn quy hoạch chính trang đô thị, nâng cấp, hoàn thiện hệ thống tiêu thoát nước thải, nước mưa, xây dựng các hệ thống nước thải tập trung với kế hoạch, chương trình, dự án cải tạo, phục hồi các hồ, ao, kênh, mương, đoạn sông trong các đô thị, khu dân cư.</p> <p>5. Bổ sung Quy hoạch chuyên ngành thoát nước, các nội dung quy hoạch thoát nước trong quy hoạch đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu; lập và quản lý bản đồ ngập úng đô thị theo kịch bản biến đổi khí hậu, bản đồ dự báo các khu vực có nguy cơ ngập lụt, sạt lở,</p> | <p>-. Phối hợp, hướng dẫn các địa phương lập quy định thoát nước địa phương nhằm thể chế hóa Nghị định 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về Thoát nước và xử lý nước thải; xây dựng đơn giá và lộ trình giá dịch vụ thoát nước; thúc đẩy việc đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải tại các địa phương, cũng như công tác thu gom đầu nối hộ gia đình vào tuyến công chính truyền tải về nhà máy xử lý nước thải đã được đầu tư xây dựng nhằm nâng cao hiệu quả của hệ thống thoát nước; rà soát, lập quy hoạch chuyên ngành thoát nước, các nội dung quy hoạch thoát nước trong quy hoạch đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu.</p> <p>- Tổ chức rà soát các văn bản quy phạm pháp luật về thoát nước và chống ngập úng đô thị nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, nghiên cứu, đề xuất bổ sung các nội dung quy định về quản lý rủi ro thoát nước ngập úng đô thị trong các điều kiện ổn định và bất ổn dưới tác động của biến đổi khí hậu.</p> <p>- Tổ chức thực hiện có hiệu quả các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch và đề án, chương trình quốc gia liên quan đến lĩnh vực thoát nước và xử lý nước thải.</p> | <p>2018-2020</p> <p>2018-2020</p> <p>2018-2030</p> | <p><b>Chủ trì:</b> Cục Hạ tầng kỹ thuật</p> <p><b>Phối hợp:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các Vụ: QHKT, KH-CN&amp;MT; các Cục: PT&amp;ĐT, KTXD; Viện KTXD</li> <li>- Các Sở Xây dựng địa phương;</li> <li>- Các doanh nghiệp, hội, hiệp hội ngành Xây dựng</li> </ul> |

| Nhiệm vụ theo Quyết định số 622/QĐ-TTg của TTCP  | Chi tiết nội dung công việc   | Lộ trình thực hiện  | Đơn vị chủ trì/phối hợp   |
|--|---|---|---|
| <p>lũ quét,... tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, khu vực duyên hải miền núi.</p> <p>6. Xây dựng lộ trình, quy định về thực hiện giá dịch vụ thoát nước phù hợp kinh tế - xã hội đảm bảo chi trả cho việc duy trì công tác vận hành, tiến tới bù đắp chi phí đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước phù hợp với giai đoạn và hoàn thiện hệ thống thoát nước.</p>  |   |   |   |
| <b>Mục tiêu 11.1: Đến năm 2030, đảm bảo tất cả mọi người dân được tiếp cận với những dịch vụ cơ bản và dịch vụ nhà ở phù hợp, an toàn, trong khả năng chi trả, xóa bỏ các khu ổ chuột, xây mới, nâng cấp, cải tạo các khu nhà ở không đảm bảo chất lượng (Mục tiêu 11.1 toàn cầu)</b>  |   |   |   |
| <p>1. Ban hành chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển nhà ở, cho thuê theo cơ chế thị trường nhằm đáp ứng nhu cầu của các đối tượng có khả năng chi trả.</p> <p>2. Bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm khai thác và huy động tối đa các nguồn lực tài chính trong và ngoài nước, vốn ODA cho phát triển nhà ở</p> <p>3. Tiếp tục thực hiện các chính sách ưu đãi cho dòng vốn đầu tư vào nhà ở cho người thu nhập thấp và trung bình</p> | <p>- Hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách liên quan đến phát triển nhà ở, nhất là nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê và nhà ở thương mại giá thấp.</p> <p>- Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu thị trường bất động sản gắn với thực hiện Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia, đặc biệt là nhà ở xã hội; khắc phục lệch pha cung - cầu, phát triển đa dạng các loại hàng hóa bất động sản nhà ở, bao gồm nhà ở để bán, nhà ở cho thuê, thuê mua, có giá cả phù hợp với khả năng thanh toán của đại đa số đối tượng trong xã hội; kiểm soát cơ cấu phân khúc sản phẩm, đẩy mạnh phát triển phân khúc nhà ở cho thuê.</p> <p>- Phối hợp chặt chẽ với Bộ Tài chính nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế, chính sách về tài chính, thuế liên quan đến nhà ở và BĐS; phối hợp với NHNN theo dõi, kiểm soát chặt chẽ tín dụng trong lĩnh vực BĐS, điều chỉnh chính sách tín dụng một cách linh hoạt, kịp thời;</p> <p>- Phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan liên quan tháo gỡ các vướng mắc về việc bố trí nguồn vốn ngân sách để triển khai có hiệu quả các Chương trình nhà ở trọng điểm</p> | <p>2018-2030</p> <p>2018-2020</p> <p>2018-2020</p> <p>2018-2020</p> | <p>Chủ trì: Cục Quản lý nhà và TTBĐS</p> <p>Phối hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vụ PC; Viện KTXD</li> <li>- Các Sở Xây dựng địa phương;</li> <li>- Các doanh nghiệp, hội, hiệp hội ngành Xây dựng</li> </ul> |

| Nhiệm vụ theo Quyết định số 622/QĐ-TTg của TTCP   | Chi tiết nội dung công việc   | Lộ trình thực hiện                | Đơn vị chủ trì/phối hợp   |
|---|---|-----------------------------------|---|
| 4. Ban hành chính sách hỗ trợ phát triển nhà ở để giải quyết chỗ ở cho nhóm đối tượng chính sách đang gặp khó khăn về nhà ở nhưng không đủ khả năng thanh toán theo cơ chế thị trường | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, giải pháp để thúc đẩy phát triển nhà ở xã hội tại khu vực đô thị, nhà ở cho công nhân lao động tại các khu công nghiệp; cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển nhà cho thuê, nhà ở giá thấp; kiểm soát chặt chẽ việc quy hoạch và khai thác, sử dụng hiệu quả quỹ đất đô thị dành để phát triển nhà ở xã hội</li> <li>- Phối hợp, đôn đốc, triển khai hoàn thành dứt điểm chương trình hỗ trợ người có công về nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg trong năm 2018. Tháo gỡ khó khăn vướng mắc, đẩy mạnh các chương trình hỗ trợ phát triển nhà ở xã hội trọng điểm như Chương trình hỗ trợ hộ nghèo khu vực nông thôn về nhà ở (Chương trình 167 giai đoạn 2), Chương trình hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng, tránh bão, lụt khu vực miền Trung; Chương trình xây dựng cụm tuyến dân cư và nhà ở khu vực thường xuyên ngập lũ Đồng bằng sông Cửu Long (giai đoạn 2); Chương trình phát triển nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp tại khu vực đô thị, công nhân khu công nghiệp...</li> </ul> | <p>2018-2030</p> <p>2018-2020</p> | <p><b>Chủ trì:</b> Cục Quản lý nhà và TT BĐS</p> <p><b>Phối hợp:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cục PTĐT; Viện KTXD</li> <li>- Các Sở Xây dựng địa phương;</li> <li>- Các doanh nghiệp, hội, hiệp hội ngành Xây dựng</li> </ul> |
| 5. Tiếp tục thực hiện cải cách thủ tục hành chính và tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng nhà ở theo quy định do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp tục tập trung cải cách thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước ngành Xây dựng, trọng tâm là rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Xây dựng, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản, Luật Quy hoạch đô thị;</li> <li>- Thực hiện việc cấp phép xây dựng trực tuyến, bảo đảm đơn giản, công khai, minh bạch, giảm thời gian thực hiện thủ tục và chi phí cho doanh nghiệp, người dân.</li> </ul>   | 2018-2030                         | <p><b>Chủ trì:</b> Cục Quản lý HĐXD; Cục Quản lý nhà và TT BĐS; Vụ QHKT; Vụ PC.</p> <p><b>Phối hợp:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các Sở Xây dựng địa phương;</li> </ul>   |

| Nhiệm vụ theo Quyết định số 622/QĐ-TTg của TTCP  | Chi tiết nội dung công việc  | Lộ trình thực hiện         | Đơn vị chủ trì/phối hợp   |
|--|--|----------------------------|---|
| 6. Đẩy nhanh việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết để làm cơ sở tổ chức triển khai các dự án phát triển nhà ở và tạo điều kiện cho các hộ gia đình, cá nhân xây dựng, cải tạo nhà ở theo quy hoạch | Chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai các giải pháp đẩy nhanh việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết để làm cơ sở tổ chức triển khai các dự án phát triển nhà ở và tạo điều kiện cho các hộ gia đình, cá nhân xây dựng, cải tạo nhà ở theo quy hoạch   |                            | Chủ trì: Vụ QHKT, các Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch kiến trúc địa phương  |
| 7. Nghiên cứu triển khai Chương trình cải tạo hạ tầng đối với các khu dân cư không đảm bảo chất lượng tại các khu vực đô thị   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn thành việc kiểm tra, rà soát, đánh giá an toàn chịu lực và đề xuất các giải pháp cải tạo nhà ở và công trình công cộng cũ, nguy hiểm tại đô thị theo Chỉ thị số 05/2016/CT-TTg ngày 15/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ</li> <li>- Nghiên cứu các cơ chế, chính sách khuyến khích các chủ đầu tư tham gia cải tạo nhà ở và công trình công cộng cũ, nguy hiểm tại đô thị.</li> <li>- Nghiên cứu giải pháp quy hoạch cải tạo, tái thiết các khu dân cư cũ nhằm phát triển đô thị an toàn và hiệu quả</li> </ul>              | 2018-2020<br><br>2018-2030 | <p><i>Chủ trì:</i> Cục Quản lý nhà và TT BĐS và Cục Giám định NN về CLCTXD</p> <p><i>Phối hợp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cục PTĐT; Viện KHCN XD; Viện QHĐTNTQG</li> <li>- Các Sở Xây dựng địa phương;</li> <li>- Các doanh nghiệp, hội, hiệp hội ngành Xây dựng</li> </ul> |
| <b>Mục tiêu 11.3: Đến năm 2030, tăng cường năng lực lập quy hoạch và phát triển đô thị bao trùm và bền vững, có sự tham gia của cộng đồng (Mục tiêu 11.3 toàn cầu)</b>   |  |                            |   |
| 1. Hoàn thiện thể chế về quản lý phát triển đô thị. Xây dựng mô hình chính quyền đô thị đảm bảo hiệu quả, hiệu lực công tác quản lý phát triển đô thị bền vững.  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng Luật Quản lý phát triển đô thị, trình Quốc hội theo kế hoạch được giao.</li> <li>- Xây dựng Chiến lược phát triển đô thị quốc gia giai đoạn 2020-2030</li> <li>- Tiếp tục thực hiện đề án phát triển đô thị thông minh.</li> <li>- Xây dựng Chương trình phát triển đô thị quốc gia giai đoạn 2021 - 2030.</li> <li>- Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện thể chế về quản lý phát triển đô thị. Phối hợp nghiên cứu, kiến nghị thí điểm xây dựng mô hình chính quyền đô thị tại các địa phương có đủ điều kiện.</li> </ul> | 2018-2019<br><br>2018-2030 | <p><i>Chủ trì:</i> Cục Phát triển đô thị</p> <p><i>Phối hợp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vụ QHKT, Cục HTKT, các Viện: QHĐTQG, KTQG; Cục PTĐT;</li> <li>- Các Sở Xây dựng địa phương;</li> <li>- Các hội, hiệp hội ngành Xây dựng</li> </ul>                                  |

| Nhiệm vụ theo Quyết định số 622/QĐ-TTg của TTCP   | Chi tiết nội dung công việc  | Lộ trình thực hiện | Đơn vị chủ trì/phối hợp  |
|---|--|--------------------|--|
| 2. Xây dựng quy trình tham gia của cộng đồng vào các đồ án quy hoạch, các dự án phát triển đô thị; công tác quản lý đô thị.   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng sổ tay hướng dẫn lấy ý kiến cộng đồng dân cư trong quá trình lập quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị;</li> <li>- Rà soát, chỉnh sửa, bổ sung các quy định pháp luật về lấy ý kiến cộng đồng trong quá trình lập quy hoạch xây dựng.</li> </ul>  | 2018-2019          | <p><b>Chủ trì:</b> Vụ QHKT;</p> <p><b>Phối hợp:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cục HTKT, các Viện: QHĐTQG, KTQG; Cục PTĐT;</li> <li>- Các Sở Xây dựng địa phương; hội, hiệp hội ngành Xây dựng</li> </ul>  |
|   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng sổ tay hướng dẫn lấy ý kiến cộng đồng dân cư trong quá trình lập dự án phát triển đô thị, quản lý phát triển đô thị;</li> <li>- Lồng ghép quy trình tham gia của cộng đồng vào các dự án phát triển đô thị; công tác quản lý đô thị vào Luật Quản lý phát triển đô thị.</li> <li>- Đến năm 2020 hoàn thành khung pháp lý;</li> <li>- Đến năm 2030 thực hiện theo lộ trình từng loại đô thị</li> </ul>  | 2018-2020          | <p><b>Chủ trì:</b> Cục Phát triển đô thị</p> <p><b>Phối hợp:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cục HTKT, các Viện: QHĐTQG, KTQG;</li> <li>- Các Sở: Xây dựng, Quy hoạch Kiến trúc địa phương;</li> <li>- Các hội, hiệp hội ngành Xây dựng</li> </ul>  |
| 3. Ban hành chính sách khuyến khích sử dụng các vật liệu xây dựng mới tiên tiến, tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường; Tăng cường áp dụng công nghệ mới trong xây dựng nhà ở đảm bảo chất lượng tốt, giá thành hạ. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng theo hướng bền vững. Phát triển vật liệu xây dựng sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên; sử dụng tối đa chất thải công nghiệp làm nguyên, nhiên liệu sản xuất vật liệu xây dựng;</li> <li>- Xây dựng lộ trình hạn chế, thay thế, loại bỏ những công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng lạc hậu, tiêu tốn nhiều nguyên liệu, Sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại trong sản xuất vật liệu xây dựng, giảm thải khí nhà kính</li> <li>- Nghiên cứu thực hiện đề án Tăng cường chế biến sâu, giảm tổn thất tài nguyên khoáng sản, bảo vệ môi trường thuộc lĩnh vực công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng</li> <li>- Nghiên cứu, xây dựng, tổ chức thực hiện đề án Tăng cường sử dụng vật liệu, phế thải của các ngành công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng làm nguyên liệu, nhiên liệu sản xuất vật liệu xây dựng</li> </ul> | 2018-2030          | <p><b>Chủ trì:</b> Vụ Vật liệu xây dựng</p> <p><b>Phối hợp:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vụ KHCN&amp;MT, Viện VLXD;</li> <li>- Các Sở: Xây dựng địa phương;</li> <li>- Các Trường Đại học, cao đẳng; các hội, hiệp hội ngành Xây dựng</li> </ul> |



| Nhiệm vụ theo Quyết định số 622/QĐ-TTg của TTCP   | Chi tiết nội dung công việc   | Lộ trình thực hiện  | Đơn vị chủ trì/phối hợp   |
|---|---|---|---|
| 4. Nghiên cứu các giải pháp sử dụng tiết kiệm năng lượng trong các công trình nhà ở, công sở, dịch vụ, các giải pháp phát triển đô thị xanh đảm bảo đô thị hóa nhanh, bền vững.   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức thực hiện hiệu quả Kế hoạch phát triển đô thị tăng trưởng xanh Việt Nam 2030 (quyết định số 84/QĐ-TTg ngày 19/1/2018 của Thủ tướng Chính phủ.</li> <li>- Lồng ghép các giải pháp phát triển đô thị tăng trưởng xanh trong xây dựng Chương trình phát triển đô thị quốc gia giai đoạn 2021 - 2030 và Chiến lược phát triển đô thị quốc gia giai đoạn 2020-2030.</li> <li>- Nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách giải pháp khuyến khích xây dựng công trình xanh, công trình sử dụng vật liệu tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính.</li> </ul>  | <p>2018-2030</p> <p>2018-2020</p> <p>2018-2030</p>                  | <p><b>Chủ trì:</b> Cục Phát triển đô thị</p> <p><b>Phối hợp:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cục HTKT; Vụ QHKT; Vụ VLXD; các Viện: QHĐTQG, KTQG;</li> <li>- Các Sở: Xây dựng, Quy hoạch Kiến trúc địa phương;</li> <li>- Các doanh nghiệp, hội, hiệp hội ngành Xây dựng</li> </ul> |
| 5. Rà soát việc thực hiện quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị đảm bảo tính thống nhất, hiệu quả trong việc phối hợp với thực hiện quy hoạch ngành kinh tế - xã hội. Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch và quản lý thực hiện quy hoạch các cấp. Xây dựng các chế tài, cơ chế nhằm kiểm soát công tác triển khai thực hiện theo quy hoạch | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn thiện Đề án Đổi mới phương pháp luận quy hoạch và phát triển đô thị phù hợp với tình hình mới.</li> <li>- Rà soát công tác lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị về sự phù hợp, thống nhất với quy định tại Luật Quy hoạch.</li> <li>- Rà soát nội dung quy hoạch đô thị, nông thôn, quy hoạch xây dựng... đảm bảo tính thống nhất, hiệu quả trong việc thực hiện quy hoạch ngành.</li> <li>- Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch xây dựng vùng liên tỉnh, vùng kinh tế trọng điểm, khu chức năng đặc thù, quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù, quy hoạch hạ tầng kỹ thuật theo phân cấp.</li> </ul> | <p>2018-2019</p> <p>2018-2020</p> <p>2018-2030</p> <p>2018-2030</p> | <p><b>Chủ trì:</b> Vụ QHKT</p> <p><b>Phối hợp:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các Cục: PTĐT, HTKT; các Viện: QHĐTQG, KTQG;</li> <li>- Các Sở: Xây dựng, Quy hoạch Kiến trúc địa phương;</li> <li>- Các hội, hiệp hội ngành Xây dựng</li> </ul>                                    |
|   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các địa phương hoàn thành lập Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh và tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả. Tăng cường các giải pháp quản lý phát triển đô thị theo quy hoạch và kế hoạch.</li> <li>- Các địa phương rà soát các Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh, đánh giá tính thực tiễn và hiệu quả của Chương trình để đề xuất điều chỉnh, nhằm</li> </ul>  | <p>2018-2030</p>  | <p><b>Chủ trì:</b> Cục PTĐT</p> <p><b>Phối hợp:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vụ QHKT, Cục HTKT; các Viện: QHĐTQG, KTQG;</li> <li>- Các Sở: Xây dựng, Quy hoạch Kiến trúc địa phương;</li> <li>- Các hội, hiệp hội ngành Xây</li> </ul>  |

| Nhiệm vụ theo Quyết định số 622/QĐ-TTg của TTCP  | Chi tiết nội dung công việc   | Lộ trình thực hiện         | Đơn vị chủ trì/phối hợp  |
|--|---|----------------------------|--|
|  | thực hiện được mục tiêu phát triển đô thị theo quy hoạch một cách hiệu quả.<br>- Xây dựng cơ chế, chính sách để quản lý, kiểm soát và khuyến khích phát triển đô thị theo hướng quy hoạch.  |                            | dựng   |
| <b>Mục tiêu 11.6: Giảm tác động có hại của môi trường tới con người tại các đô thị, tăng cường quản lý chất lượng không khí, chất thải đô thị và các nguồn chất thải khác (Mục tiêu 11.6 toàn cầu)</b> |   |                            |  |
| 1. Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật và cơ chế chính sách về quản lý chất thải rắn.  | - Hoàn thiện Thông tư hướng dẫn mẫu hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt.<br>- Tổ chức thực hiện hiệu quả Điều chỉnh Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050.  | 2018-2019<br><br>2018-2030 | <i>Chủ trì:</i> Cục Hạ tầng kỹ thuật<br><i>Phối hợp:</i><br>- Vụ Pháp chế;<br>- Các Sở: Xây dựng địa phương;<br>các hội, hiệp hội ngành Xây dựng           |
| 2. Ban hành các định mức kinh tế - kỹ thuật về công tác xử lý chất thải rắn.   | - Chỉ đạo, hướng dẫn triển khai Thông tư 14/2017/TT-BXD ngày 28/12/2017 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định và quản lý chi phí các dịch vụ công ích đô thị.<br>- Tiếp tục rà soát sửa đổi, bổ sung các định mức kinh tế - kỹ thuật về công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn đô thị; ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt nông thôn. | 2018-2030                  | <i>Chủ trì:</i> Cục Kinh tế xây dựng<br><i>Phối hợp:</i><br>- Cục HTKT, Viện KTXD;<br>- Các Sở: Xây dựng địa phương;<br>- Các hội, hiệp hội ngành Xây dựng |
| 3. Hoàn thiện quy hoạch xử lý chất thải tại các đô thị. Vận hành tốt hệ thống thu gom, xử lý chất thải   | - Thẩm định quy hoạch quản lý chất thải rắn các thành phố trực thuộc trung ương là đô thị loại đặc biệt để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;<br>- Các ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố thuộc trung ương là đô thị loại I hoàn thành việc phê duyệt quy hoạch quản lý chất thải rắn của địa phương mình;<br>- Tổ chức thực hiện hiệu quả quy hoạch quản lý chất thải rắn của địa phương.                             | 2018-2020<br><br>2018-2030 | <i>Chủ trì:</i> Cục Hạ tầng kỹ thuật;<br>Sở Xây dựng các địa phương<br><i>Phối hợp:</i> Cục PTĐT   |
| 4. Xử lý nước thải tập trung tại các đô thị loại IV trở lên đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trước khi xả ra môi trường  | - Phối hợp, hướng dẫn các địa phương lập quy định thoát nước địa phương theo quy định tại Nghị định 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về   | 2018-2020                  | <i>Chủ trì:</i> Cục Hạ tầng kỹ thuật<br><i>Phối hợp:</i> Các Sở Xây dựng địa phương;   |

| Nhiệm vụ theo Quyết định số 622/QĐ-TTg của TTCP  | Chi tiết nội dung công việc  | Lộ trình thực hiện     | Đơn vị chủ trì/phối hợp  |
|--|--|------------------------|--|
|  | Thoát nước và xử lý nước thải;<br>- Xây dựng các giải pháp thúc đẩy việc ĐTXD hệ thống thoát nước và xử lý nước thải tại các địa phương, tăng cường công tác quản lý vận hành sau đầu tư.  | 2018-2030              |  |
| 5. Thúc đẩy và giám sát chặt chẽ việc thực hiện Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050  | - Tổ chức triển khai hiệu quả Điều chỉnh Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp Chất thải rắn đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050.  | 2018-2019<br>2019-2030 | <b>Chủ trì:</b> Cục Hạ tầng kỹ thuật<br><b>Phối hợp:</b><br>Các Sở Xây dựng địa phương   |
| <b>Mục tiêu 11.7: Đến năm 2030, bảo đảm tiếp cận phổ cập với không gian công cộng xanh, an toàn và thân thiện cho toàn dân, đặc biệt đối với phụ nữ, trẻ em, người cao tuổi và người khuyết tật (Mục tiêu 11.7 toàn cầu)</b> |  |                        |  |
| 1. Ban hành hướng dẫn về quy hoạch đô thị tăng trưởng xanh, bộ chỉ tiêu về đô thị xanh để định hướng phát triển các đô thị. Xây dựng hệ tiêu chí quy hoạch không gian xanh, không gian công cộng trong đô thị.               | - Tổ chức thực hiện Thông tư số 01/2018/TT-BXD ngày 05/1/2018 của Bộ Xây dựng về quy định chỉ tiêu xây dựng đô thị tăng trưởng xanh.<br>- Thực hiện hiệu quả Kế hoạch phát triển đô thị tăng trưởng xanh Việt Nam đến năm 2030 đã được phê duyệt tại quyết định số 84/QĐ-TTg ngày 19/1/2018 của Thủ tướng Chính phủ. | 2018-2030              | <b>Chủ trì:</b> Cục Phát triển đô thị<br><b>Phối hợp:</b><br>- Vụ QHKT, các Viện: QHĐTNTQG, QHĐTMN, KTQG;<br>- Các Sở: Xây dựng địa phương; các hội, hiệp hội ngành Xây dựng         |
| 2. Ban hành các định mức kinh tế kỹ thuật về công viên cây xanh  | Sửa đổi, bổ sung, ban hành các định mức kinh tế-kỹ thuật về công viên cây xanh   | 2018-2030              | <b>Chủ trì:</b> Cục Kinh tế xây dựng<br><b>Phối hợp:</b><br>- Cục HTKT, Viện KTXD;<br>- Các Sở: Xây dựng địa phương; các hội, hiệp hội ngành Xây dựng                                |
| 3. Rà soát quy hoạch tổng thể các đô thị từ cách tiếp cận đô thị bền vững (đô thị xanh, sinh thái và kinh tế,..) và Quy hoạch không gian đô thị đảm bảo hiệu quả kinh tế - sinh thái.  | - Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung các nội dung tiết kiệm tài nguyên và bảo vệ môi trường trong quy hoạch xây dựng.<br>- Tổ chức rà soát, điều chỉnh các đồ án quy hoạch đô thị theo hướng tiếp cận đô thị bền vững   | 2018-2030              | <b>Chủ trì:</b> Vụ Quy hoạch Kiến trúc<br><b>Phối hợp:</b> -Cục PTĐT;<br>- Các Viện QHĐTNTQG, QHĐTMN, KTQG;<br>- Các Sở: Xây dựng, QHKT địa phương; Các hội, hiệp hội ngành Xây dựng |

| Nhiệm vụ theo Quyết định số 622/QĐ-TTg của TTCP  | Chi tiết nội dung công việc  | Lộ trình thực hiện         | Đơn vị chủ trì/phối hợp  |
|--|--|----------------------------|--|
| <p>4. Thúc đẩy việc xây dựng đô thị xanh, đô thị sinh thái, công trình xanh.</p> <p>5. Khuyến khích đầu tư, tăng cường huy động các nguồn lực trong xã hội để phát triển các không gian trong các đô thị khu dân cư</p>  | <p>- Tổ chức thực hiện hiệu quả Kế hoạch phát triển đô thị tăng trưởng xanh Việt Nam 2030.</p> <p>- Nghiên cứu, thực hiện thí điểm để triển khai nhân rộng một số chương trình ưu tiên trọng điểm phát triển đô thị xanh, sinh thái, kiến trúc xanh, mô hình kiến trúc, nhà ở thích ứng biến đổi khí hậu.</p> <p>- Nghiên cứu cơ chế, chính sách khuyến khích sự tham gia của cộng đồng trong phát triển không gian xanh tư nhân, không gian xanh công cộng đô thị</p> | 2018-2030                  | <p><b>Chủ trì:</b> Cục Phát triển đô thị</p> <p><b>Phối hợp:</b></p> <p>- Vụ QHKT, Viện QHĐTNTQG, Viện KTQG;</p> <p>- Các Sở: Xây dựng, QHKT địa phương;</p> <p>- Các hội, hiệp hội ngành Xây dựng</p>                   |
| <b>Mục tiêu 11.9: Đến năm 2030, tăng đáng kể số đô thị và khu dân cư áp dụng quy hoạch và chính sách tích hợp hướng bao trùm, hiệu quả nguồn lực, giảm nhẹ và thích ứng với biến đổi khí hậu, tăng khả năng chống chịu trước thảm họa (Mục tiêu 11.9 toàn cầu)</b>   |  |                            |  |
| <p>1. Rà soát, chỉnh sửa và bổ sung chính sách và pháp luật hiện hành về phát triển đô thị, hướng tới bao trùm, giảm nhẹ và thích ứng với biến đổi khí hậu, tăng cường khả năng chống chịu trước thảm họa của các đô thị, đặc biệt là các đô thị lớn, đô thị ven biển.</p>   | <p>- Nghiên cứu lồng ghép các yếu tố hướng tới bao trùm, giảm nhẹ và thích ứng với biến đổi khí hậu, tăng cường khả năng chống chịu trước thảm họa của các đô thị trong Luật Quản lý phát triển đô thị.</p> <p>- Nghiên cứu thí điểm lập chương trình phát triển đô thị theo hướng lồng ghép các yếu tố trên tại một số đô thị ven biển chịu nhiều tai biến thiên nhiên điển hình.</p>   | 2018-2019<br><br>2019-2030 | <p><b>Chủ trì:</b> Cục Phát triển đô thị</p> <p><b>Phối hợp:</b></p> <p>- Vụ QHKT, Cục HTKT, các Viện: QHĐTNTQG, KTQG, QHĐTMN;</p> <p>- Các Sở: Xây dựng, QHKT địa phương; các hội, hiệp hội ngành Xây dựng</p>          |
| <p>2. Tổng kết Chương trình phát triển Đô thị quốc gia giai đoạn 2012 - 2020, xây dựng Chiến lược phát triển đô thị Việt Nam giai đoạn 2021- 2030 theo hướng tích hợp; bảo đảm tính bao trùm, sử dụng các nguồn lực hiệu quả; lồng ghép nội dung giảm nhẹ, thích ứng với biến đổi khí hậu và tăng cường khả năng chống chịu trước các thảm họa trong Chiến lược.</p> | <p>- Tổng kết, đánh giá các chương trình.</p>  | 2020-2030                  | <p><b>Chủ trì:</b> Cục Phát triển đô thị</p> <p><b>Phối hợp:</b></p> <p>- Vụ QHKT, Cục HTKT, các Viện: QHĐTNTQG, KTQG, QHĐTMN;</p> <p>- Các Sở: Xây dựng, QHKT địa phương;</p> <p>- Các hội, hiệp hội ngành Xây dựng</p> |
| <p>3. Tăng tỷ lệ các đô thị áp dụng các chiến lược tích hợp, có lồng ghép giảm thiểu rủi ro và khả năng chống chịu phù hợp với khung chuẩn quốc tế.</p>  | <p>- Tiếp tục triển khai và hoàn thành các nhiệm vụ của Đề án Phát triển đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu (quyết định số 2623/QĐ-TTg ngày 31/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ).</p>   | 2018-2030                  | <p><b>Chủ trì:</b> Cục Phát triển đô thị</p> <p><b>Phối hợp:</b></p> <p>- Vụ QHKT, Cục HTKT, các Viện: QHĐTNTQG, KTQG,</p>   |

| Nhiệm vụ theo Quyết định số 622/QĐ-TTg của TTCP   | Chi tiết nội dung công việc   | Lộ trình thực hiện | Đơn vị chủ trì/phối hợp   |
|---|---|--------------------|---|
|   |   |                    | QHĐTMN;<br>- Các Sở: Xây dựng, QHKT địa phương; hội, hiệp hội ngành XD  |
| 4. Quy hoạch và xây dựng các khu dân cư có khả năng chống chịu với thiên tai  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng, hướng dẫn lồng ghép nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu vào quy hoạch đô thị, nông thôn; quy hoạch xây dựng.</li> <li>- Nghiên cứu các giải pháp thiết kế đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu.</li> </ul>  | 2018-2030          | <b>Chủ trì:</b> ; Vụ Quy hoạch Kiến trúc<br><b>Phối hợp:</b><br>- Các Cục: PTĐT, HTKT, các Viện: QHĐTNTQG, KTQG, QHĐTMN; Cục QLN và thị trường BĐS; Các Sở: Xây dựng, QHKT địa phương;<br>- Các hội, hiệp hội ngành XD. |
| <b>Mục tiêu 12.5.b: Đến năm 2030, giảm đáng kể lượng chất thải phát sinh, tăng cường giá trị kinh tế của nguồn tài nguyên chất thải thông qua việc phòng ngừa, giảm thiểu, tái chế và tái sử dụng, thu hồi năng lượng từ xử lý chất thải (Mục tiêu 12.5 toàn cầu)</b> |   |                    |   |
| 1. Tăng cường công tác thu gom và xử lý chất thải rắn.<br>2. Thúc đẩy xã hội hóa công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải.   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức thực hiện thí điểm dự án đầu tư thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt để đề xuất, thực hiện các giải pháp nhân rộng.</li> <li>- Nghiên cứu, đề xuất mô hình, giải pháp phù hợp thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn khu dân cư tập trung</li> </ul> | 2018-2030          | <b>Chủ trì:</b> Cục Hạ tầng kỹ thuật<br><b>Phối hợp:</b> Vụ KHTC<br>- Các Sở Xây dựng địa phương; các doanh nghiệp<br>- Các hội, hiệp hội ngành Xây dựng  |
| 3. Rà soát, ban hành đồng bộ hệ thống quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn về quản lý chất thải rắn   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp tục rà soát và đề xuất điều chỉnh QCVN 01:2008/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng.</li> <li>- Tiếp tục, rà soát xây dựng quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn về tái chế chất thải rắn xây dựng.</li> </ul>  |                    | <b>Chủ trì:</b> Vụ Khoa học công nghệ và MT<br><b>Phối hợp:</b><br>- Cục HTKT, Viện KHCVXD;<br>- Các Sở: Xây dựng địa phương; các hội, hiệp hội ngành Xây dựng  |
| 4. Hướng dẫn quản lý đầu tư xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy hoạch được phê duyệt; phương pháp lập, quản lý chi phí và phương pháp định giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt  | <ul style="list-style-type: none"> <li>Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 1354/QĐ-BXD ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng công bố suất vốn đầu tư xây dựng và mức chi phí xử lý chất thải rắn sinh hoạt.</li> <li>- Hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ xử lý</li> </ul>  | 2018-2020          | <b>Chủ trì:</b> Cục Kinh tế xây dựng<br><b>Phối hợp:</b><br>- Cục HTKT, Viện KTXD;<br>- Các Sở: Xây dựng địa phương; hội, hiệp hội ngành Xây dựng   |

| Nhiệm vụ theo Quyết định số 622/QĐ-TTg của TTCP  | Chi tiết nội dung công việc   | Lộ trình thực hiện         | Đơn vị chủ trì/phối hợp   |
|--|---|----------------------------|---|
|  | chất thải rắn sinh hoạt đã được quy định tại Thông tư số 07/2017/TT-BXD ngày 15/5/2017.<br>- Nghiên cứu mô hình đầu tư xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy hoạch được duyệt cho các vùng chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và nước biển dâng   |                            |   |
| 5. Quy định chi tiết về việc phân loại, thu gom, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải xây dựng  | Kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện theo Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16/5/2017 của BXD về quản lý chất thải xây dựng.  | 2018-2030                  | <b>Chủ trì:</b> Cục Hạ tầng kỹ thuật<br><b>Phối hợp:</b> Các Sở Xây dựng địa phương; các doanh nghiệp   |
| 5. Tổ chức nghiên cứu lập quy hoạch quản lý chất thải rắn cho các vùng, liên tỉnh, liên đô thị và vùng đặc thù   | Rà soát, điều chỉnh các quy hoạch quản lý chất thải rắn cho các vùng liên tỉnh theo phân công của Thủ tướng Chính phủ.  | 2018-2020                  | <b>Chủ trì:</b> Cục Hạ tầng kỹ thuật<br><b>Phối hợp:</b> Các Sở Xây dựng địa phương   |
| <b>Mục tiêu 13.1.b: Tăng cường khả năng chống chịu và thích nghi với rủi ro liên quan tới biến đổi khí hậu, ứng phó với thiên và các thảm họa tự nhiên khác (Mục tiêu 13.1 toàn cầu)</b> |   |                            |   |
| Củng cố, xây dựng các công trình phòng chống thiên tai trọng điểm, cấp bách  | - Rà soát, kiểm tra hiện trạng, báo cáo thực trạng, tình hình quản lý, hiệu quả sử dụng các công trình phòng, chống thiên tai trọng điểm, cấp bách và đề xuất việc củng cố hoặc xây dựng mới (nếu cần).<br>- Tổng hợp báo cáo, lập danh mục các công trình phòng, chống thiên tai trọng điểm, cấp bách. Trong đó có đề xuất kế hoạch, giải pháp và triển khai thực hiện củng cố công trình hoặc xây dựng mới. | 2018-2020<br><br>2018-2030 | <b>Chủ trì:</b> Cục Giám định NN về chất lượng CTXD<br><b>Phối hợp:</b> Cục QLHĐXD, các Sở Xây dựng địa phương  |
| <b>Mục tiêu 13.2.c: Lồng ghép các yếu tố biến đổi khí hậu vào các chính sách, chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển (Mục tiêu 13.2 toàn cầu)</b>                                  |   |                            |   |
| 2. Điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật thiết kế công trình, quy hoạch xây dựng, cơ sở hạ tầng dựa trên các kịch bản biến đổi khí hậu.                     | - Tổ chức triển khai hiệu quả Đề án Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn trong lĩnh vực xây dựng.<br>- Hoàn thành lồng ghép các yếu tố biến đổi khí hậu vào Quy chuẩn quy hoạch xây dựng; Quy chuẩn xây dựng trong vùng thường xuyên bị thiên tai và Quy chuẩn về công trình hạ tầng kỹ thuật, số liệu điều kiện tự nhiên và các Quy chuẩn khác.   | 2018-2030                  | <b>Chủ trì:</b> Vụ Khoa học công nghệ và MT<br><b>Phối hợp:</b><br>- Các Viện thuộc Bộ;<br>- Các Sở: Xây dựng địa phương;<br>Các hội, hiệp hội ngành Xây dựng |

| Nhiệm vụ theo Quyết định số 622/QĐ-TTg của TTCP   | Chi tiết nội dung công việc  | Lộ trình thực hiện | Đơn vị chủ trì/phối hợp  |
|---|--|--------------------|--|
| <p>1. Ban hành các quy định về định mức kinh tế kỹ thuật dựa trên các kịch bản biến đổi khí hậu</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập trung rà soát các định mức đã công bố, điều chỉnh, cập nhật lại các định mức đảm bảo sự thống nhất về mã hiệu, tên định mức, đơn vị tính, nội dung công việc, phạm vi công việc, công nghệ áp dụng, điều kiện áp dụng và trị số, trong đó có kể đến ảnh hưởng của yếu tố biến đổi khí hậu.</li> <li>- Tổng hợp các định mức đã rà soát vào một tập định mức để áp dụng.</li> <li>- Rà soát, đánh giá các phương pháp xây dựng hệ thống định mức và giá xây dựng hiện nay, điều chỉnh phù hợp với các chính sách, chiến lược, quy hoạch đối phó biến đổi khí hậu.</li> <li>- Hoàn thiện các phương pháp xây dựng định mức và giá xây dựng phù hợp với thực tiễn tại Việt Nam và thông lệ quốc tế.</li> <li>- Xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật về biến đổi khí hậu trên cơ sở các tiêu chuẩn, quy chuẩn, kịch bản biến đổi khí hậu</li> </ul> | <p>2018-2030</p>   | <p><b>Chủ trì:</b> Cục Kinh tế xây dựng<br/> <b>Phối hợp:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vụ KHCN&amp;MT, Viện KTXD;</li> <li>- Các Sở: Xây dựng địa phương;</li> <li>- Các hội, hiệp hội ngành Xây dựng</li> </ul> |